TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2017/HS-ST
Ngày: 22-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Ông Nguyễn Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung C (tên thường gọi khác: C Mát), sinh năm 1980 tại Bình Dương; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung S và bà Thi Thị G; chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị S, sinh năm 1983; tiền án: Bản án số 19/2007/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Trung C 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 50/2008/HSST ngày 02 tháng 5 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Trung C 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 121/2010/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Trung C 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 43/2014/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Trung C 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; nhân thân: Bản án số 13/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2000 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Dương xử phạt Nguyễn Trung C 14 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và Trộm cắp tài sản; Quyết định

xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1999 của Công an xã C, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính đối với Nguyễn Trung C về hành vi trộm tài sản công dân, hình thức phạt cảnh cáo giáo dục; Quyết định số 4034/QĐ-UB ngày 08 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục đối với Nguyễn Trung C về hành vi trộm cắp đánh người gây thương tích, uống rượu say gây rối, thời hạn đưa và cơ sở giáo dục là 24 tháng tại cơ sở giáo dục Huy Khiêm (nay là trại giam Huy Khiêm), huyện L, tỉnh Bình Thuận; Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 46/QĐ-CQĐT ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Công an huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt tiền 200.000 đồng đối với Nguyễn Trung C về hành vi trộm cắp vặt; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội số 78/QĐ-XPHC ngày 25 tháng 11 năm 2009 của Công an xã U, huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt tiền đối với Nguyễn Trung C là 150.000 đồng về hành vi trộm cắp vặt; bị bắt, tạm giữ ngày 22 tháng 6 năm 2017, đến ngày 01 tháng 7 năm 2017 tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Lê Công D, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: ấp X, xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Huỳnh Thị Hồng M, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 08 giờ ngày 22 tháng 6 năm 2017, C điều khiển xe đạp hiệu Martin từ nhà đến ngã ba thuộc ấp 3, xã T, huyện B để gặp bạn. Khi đến quán nước không có tên thuộc ấp 3, xã T, huyện B do anh Lê Công D làm chủ để uống nước. Tại đây, C thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu trắng-đen, biển số 83C1-212.26 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029475 ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Công an huyện S, tỉnh Sóc Trăng cấp mang tên chị Huỳnh Thị Hồng M, vợ anh D), đang dựng bên phải cạnh cửa ra vào không có người trông coi nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô này. Do trên xe mô tô này không có chìa khóa và không khóa cổ và nên C đi vào trong nhà tìm chìa khóa xe khởi động xe nhằm chiếm đoạt. Khi đang tìm chìa khóa xe thì C thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu bạc của anh D đang sạc pin để trên kệ đựng ly nên C đã lén rút điện thoại ra khỏi dây sạc và bỏ vào túi quần bên trái của mình. Ngay lúc đó, anh D đi từ nhà dưới lên phát hiện, bắt quả tang C cùng tang vật rồi giao cho Công an xã T, huyện B làm việc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22 tháng 6 năm 2017 (bút lục số 01), vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu bạc, số IMEI1 353415089253291, số IMEI2 353416089253299.

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe: Exciter, biển số 83C1-212.26, số khung 5P10EY429165, số máy 55P1429184.

+ 01 xe đạp hiệu Martin màu trắng bạc.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản số 87/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B (bút lục số 17): 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu bạc, đã qua sử dụng từ tháng 02 năm 2017 có giá 3.000.000 đồng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter, biển số 83C1-212.26, số khung 5P10EY429165, số máy 55P1429184, xe đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2014 có giá 25.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 28.000.000 đồng.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 02 tháng 7 năm 2017 (bút lục số 33), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu bạc và 01 xe mô tô biển số 83C1-212.26 cho anh D. Anh D và chị M không có ý kiến gì.

Đối với 01 xe đạp hiệu Martin màu trắng bạc là của bị cáo C, bị cáo C không dùng làm công cụ phương tiện phạm tội.

- Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 45/QĐ-KSĐT ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Nguyễn Trung C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về mức hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung C từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù;

+ Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 01 xe đạp hiệu

Martin màu trắng bạc cho bị cáo do bị cáo không dùng vào việc phạm tội nhưng tạm quản để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: khoảng 08 giờ ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại quán nước của người bị hại D thuộc ấp 3, xã T, huyện B, bị cáo đã có hành vi bắt đầu cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 83C1-212.26. Khi bị cáo vào trong quán nước để tìm chìa khóa của xe mô tô để mở khóa xe, bị cáo lại lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime của người bị hại D bỏ vào túi quần thì bị bắt quả tang. Giá trị xe mô tô biển số 83C1-212.26 là 25.000.000 đồng và giá trị 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime là 3.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"*. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì *"Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt từ từ hai năm đến bảy năm:...c) Tái phạm nguy hiểm..."*. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 của Bộ luật Hình sự, Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Để có tiền tiêu xài nhưng lười lao động mà bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại D. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện một cách liều lĩnh, bất chấp bị phát hiện, xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt; đã tái phạm, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, các lần phạm tội trước đây của bị cáo cũng cùng nhóm tội chiếm đoạt tài sản. Điều này thể hiện bị cáo là đối tượng lì lợm, xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với việc bị cáo không thực hiện được hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 83C1-212.26 của người bị hại D đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo (bị bắt quả tang), Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 18, khoản 1 và khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là còn cao, Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian với mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên là đã thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 Prime màu bạc và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter, biển số 83C1-212.26 đã trả lại cho người bị hại D, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Cần áp dụng khoản 3 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 xe đạp hiệu Martin màu trắng cho bị cáo C do bị cáo không dùng làm phương tiện phạm tội.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138, Điều 18, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1 và khoản 3 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung C phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào khoản 3 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 xe đạp hiệu Martin màu trắng cho bị cáo Nguyễn Trung C. (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 27 tháng 10 năm 2017).

Về án phí: căn cứ vào Điều 98 và Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện B;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến